

**KẾ HOẠCH**  
**Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ,  
chính sách cho dân quân giai đoạn 2021 – 2025**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng Lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của DQTV;

Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng Quy định thực hiện một số Điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng LLDQTV.

Ủy ban nhân dân xã Thượng Lộ xây dựng Kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân giai đoạn 2021 - 2025.

**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu tổng quát**

Nhằm xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, có số lượng, chất lượng tổng hợp ngày càng cao, phù hợp với tổ chức biên chế, quân số, vũ khí trang bị tinh gọn, chặt chẽ. Quá trình xây dựng phải tập trung giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự toàn diện, thiết thực nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Thực hiện tốt chế độ, chính sách theo Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn xã, thị trấn.

**2. Yêu cầu**

Quán triệt nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND các cấp về tổ chức thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị, vai trò làm tham mưu của cơ quan quân sự địa phương để thực hiện Kế hoạch tổ chức

xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ giai đoạn 2020- 2025 đạt chất lượng, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH**

### **1. Tổ chức, biên chế**

#### **1.1. Tổ chức đơn vị Dân quân**

Thực hiện theo Điều 15 Luật Dân quân tự vệ, Điều 7 Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ.

#### **\* Tổ chức biên chế**

- Ban CHQS xã:
- + Xây dựng 01 trung đội Dân quân cơ động.
- + 01 tổ Dân quân công binh.
- + 01 tổ Dân quân trinh sát.
- + 01 tổ Dân quân thông tin.
- + 01 tổ Dân quân y tế.
- + 01 tổ Dân quân phòng hóa.
- + 01 Khẩu đội Cối 60
- + Cấp Thôn: Xây dựng 03 Tổ đội dân quân tại chỗ; Mỗi tổ chức 01 Tổ đội Dân quân tại chỗ.

#### **\* Số lượng dân quân**

Tổng số Dân quân: 59 đồng chí.

- Các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân 09 đồng chí; trong đó cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã 04 đồng chí, trung đội trưởng 01 đồng chí, tiểu đội trưởng 03 đồng chí, khẩu đội trưởng đồng chí, thôn đội trưởng 03 đồng chí

#### **b) Ban Chỉ quy quân sự xã gồm có:**

- + 01 đồng chí Chỉ huy trưởng - Đảng ủy viên.
- + 01 đồng chí Chính trị viên - Đảng ủy viên.
- + 01 đồng chí phó Chỉ huy trưởng chưa qua đào tạo ngành quân sự cơ sở.
- + 01 đồng chí Chính trị viên phó - Đảng ủy viên.
- + Thôn đội trưởng 03 đồng chí.

(Tổ chức biên chế dân quân tại mẫu 1)

### **2. Huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập**

#### **a) Huấn luyện Dân quân tự vệ**

- Huấn luyện Dân quân cơ động; quân số 28 đồng chí; thời gian 12 ngày/năm.

- Huấn luyện Dân quân năm thứ nhất; quân số 06 đồng chí; thời gian 15 ngày/năm.

- Huấn luyện Dân quân tại chỗ; quân số 09 đồng chí; thời gian 07 ngày/năm.

- Huấn luyện Binh chủng chiến đấu; quân số 15 đồng chí; thời gian 12 ngày/năm.

#### **b) Hội thi**

- Tham gia Hội thi pháp luật Dân quân tự vệ, hội thi Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó giỏi ít nhất 02 lần/05 năm.

- Đưa lực lượng Dân quân tham gia Hội thi, hội thao do Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức.

#### **c) Diễn tập**

Tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ xã theo Kế hoạch của Ban CHQS huyện Nam Đông.

### **3. Hoạt động của dân quân**

#### **a) Trực sẵn sàng chiến đấu**

- Trực bảo vệ các ngày lễ, tết các sự kiện trọng đại của đất nước, quân số 39 đồng chí; thời gian 75 ngày/năm.

b) Phối hợp với Công an tham gia bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội: Dân quân cơ động, quân số 28 đồng chí; thời gian 47 ngày/năm.

c) Tham gia phòng, chống khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ đột xuất khác, quân số 60 đồng chí; thời gian 15 ngày/năm.

d) Duy trì việc nắm, trao đổi thông tin báo cáo, thông báo tình hình và thực hiện chế độ giao ban, hội ý theo định kỳ, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát địa bàn, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

e) thực hiện Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự, tổ chức diễn tập phòng chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn sẵn sàng ứng phó mọi tình huống xảy ra trên địa bàn và phối hợp với các lực lượng đoàn thể quần chúng Nhân dân tham gia vào các hoạt động phòng chống thiên tai, bão lụt; thực hiện tốt quy chế phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 và Nghị định 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

### **4. Bảo đảm cho Dân quân**

#### **a) Bảo đảm sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, hoạt động**

- Vũ khí, trang bị theo biên chế trên cấp

- Công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cấp trên đảm bảo cho cấp dưới.

- Trụ sở, trang thiết bị làm việc của ban Chỉ huy quân sự xã được xây dựng cơ bản thống nhất; Ban CHQS xã tham mưu UBND xã xin kinh phí mua sắm vật tư, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban CHQS xã đạt hiệu quả, chất lượng.

- Vật chất huấn luyện, hoạt động, văn hóa tinh thần:

+ Ban CHQS quân sự xã tham mưu UBND xã xin kinh phí sửa chữa bổ sung vật chất huấn luyện hàng năm theo kế hoạch đảm bảo cho huấn luyện cấp trung đội.

+ Hàng ngày, Ban Chỉ huy quân sự xã được cấp 01 tờ báo Quân đội nhân dân; hàng tuần Ban CHQS xã được cấp thêm 01 báo Thừa Thiên Huế; kinh phí do địa phương đảm bảo

- Đã được lắp đặt camera trong kho để quan sát tủ đựng vũ khí, trang bị công cụ hỗ trợ phải được quản lý chặt chẽ, đúng quy định, phải được đăng ký, quản lý và bàn giao cụ thể rõ ràng.

- Nơi ăn, nghỉ của Dân quân: Được đảm bảo theo quy định.

### **b) Bảo đảm chế độ, chính sách**

- Bảo đảm trang phục, sao mũ, phù hiệu: thực hiện theo Thông tư số 04/2015/TT-BQP ngày 13/01/2015 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, Thông tư số 193/2015/TT-BQP ngày 26/12/2014 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân Tự vệ

Phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân Tự vệ được chi trả theo Điều 7 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ cụ thể:

+ Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phụ cấp hàng tháng là 357.600 đồng.

+ Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó phụ cấp hàng tháng là 327.800 đồng.

+ Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp hàng tháng là: 208.600 đồng.

+ Trung đội trưởng Dân quân cơ động được hưởng phụ cấp hàng tháng là: 298.000 đồng.

+ Tiểu đội trưởng Dân quân cơ động, khẩu đội trưởng được hưởng phụ cấp hàng tháng là: 149.000 đồng.

- Phụ cấp đặc thù Quốc phòng, quân sự: Đối tượng được hưởng gồm Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã và các chức vụ chỉ huy đơn vị Dân quân cơ động trung đội trưởng; Tiểu đội trưởng Dân quân cơ động theo Điều 9 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Phụ cấp hàng tháng của Phó chỉ huy trưởng Ban CHQS xã thực hiện theo Nghị quyết số: của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chế độ phụ cấp hàng tháng của Thôn đội trưởng là: 923.000 đồng.

- Phụ cấp thâm niên Ban CHQS xã, phụ cấp đặc thù quốc phòng quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã, các chức vụ Chỉ huy Dân quân cơ động thực hiện theo Điều 9, Điều 10 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Đối với chế độ, tiền ăn, tiền công lao động: Đối với Dân quân tại chỗ, cơ động, phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt được hưởng ngày công lao động, tiền ăn, định mức như sau:

Mức trợ cấp ngày công lao động là 120.000đồng, trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm là 59.600 đồng.

- Mức tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam (năm 2021 mức ăn là 65.000đ/người/ngày)

**- Chế độ chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Dân quân chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội:**

+ Cán bộ, chiến sĩ Dân quân chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội khi thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định điều động hoặc làm nhiệm vụ theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương thì được hưởng các chế độ, chính sách theo Điều 14 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

+ Cán bộ, chiến sĩ Dân quân chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội khi thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 35 của Luật DQTV bị tai nạn, chết thì được hưởng các chế độ, chính sách theo Điều 15 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

## **5. Kinh phí bảo đảm**

Sử dụng ngân sách địa phương, ngân sách thành phố hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Tổng kinh phí: 733.957.000 đồng (Phụ lục II; III; IV kèm theo)

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban CHQS xã**

Là cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch này, tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện; tham mưu cho UBND xã điều chỉnh những nội dung trong Kế hoạch để phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương (*Nếu cần thiết*)

Hàng năm, tham mưu với UBND xã điều động cán bộ DQTV tham gia tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện lực lượng DQTV sát với yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương.

Chủ trì phối hợp với bộ phận kế toán – ngân sách lập dự toán bảo đảm kinh phí hàng năm trình UBND xã xem xét, quyết định.

Phối hợp với Ban CHCA xã và các bộ phận liên quan xây dựng quy chế, kế hoạch phối hợp của Dân quân tự vệ theo Nghị định số 02/2020/ND-CP ngày 30/6/2020 và Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019.

Cuối năm 2025, tham mưu cho UBND xã xây dựng Kế hoạch tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm và triển khai thực hiện trong thời gian tiếp theo.

## **2. Ban CHCA xã**

Phối hợp với Ban CHQS xã thực hiện công tác phối hợp hoạt động theo Nghị định số 02/2020/ND-CP ngày 30/6/2020 và Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019.

## **3. Bộ phận kế toán – ngân sách**

Phối hợp với Ban CHQS xã lập dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách; Phân kinh phí bảo đảm thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với DQTV, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao, khen thưởng, SSCĐ... về hoạt động của LLDQTV đúng theo Luật DQTV.

## **4. Bộ phận Văn hóa – xã hội**

Phối hợp với Ban CHQS xã và các ban ngành có liên quan tham mưu đề xuất với UBND xã chỉ đạo, thực hiện các chế độ, chính sách đối với LLDQTV khi làm nhiệm vụ theo quy định tại Điều 35 Luật DQTV bị ốm, bị tai nạn, bị thương, chết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

## **IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

- Trong tháng 3/2021 xây dựng Kế hoạch Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân giai đoạn 2021 – 2025: Đề nghị cấp trên xấp sếp lại cán bộ Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã theo Điều 4 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ để bảo đảm ổn định theo biên chế.

- Từ tháng 4/2021 đến tháng 11/2025 tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tháng 12/2025 tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện báo cáo thành phố theo quy định,

Giao Ban CHQS xã chủ trì, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND xã năm và chỉ đạo./.

### **Nơi nhận:**

Ban CHQS huyện;  
Các ban, ngành liên quan;  
Lưu: VT, UB (04).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Chính**



**Phụ lục II: KINH PHÍ BẢO ĐẢM TRANG PHỤC CHO DÂN QUÂN TỰ VỆ**  
(Kèm theo Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND xã Thượng Lộ)

T T	Loại trang phục	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng 5 năm (đồng)	Ghi chú
				SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)		
<b>I</b>	<b>Các chức vụ chỉ huy Ban CHQS xã</b>														<b>Trang phục nam, nữ</b>
<b>1</b>	<b>Chỉ huy trưởng</b>														
	Quần áo	Bộ		01	400.000đ	01	400.000đ	01	400.000đ	01	400.000đ	01	400.000đ	2.000.000đ	Nam
	Sao mũ cứng	Cái		01	7000đ			01	7000đ			01	7000đ	210.000đ	
	Sao mũ mềm	Cái		01	7000đ			01	7000đ			01	7000đ	210.000đ	
	Mũ cứng	Cái		01	80.000đ			01	80.000đ			01	80.000đ	240.000đ	
	Mũ mềm	Cái		01	80.000đ			01	80.000đ			01	80.000đ	240.000đ	
	Thắt lưng	Cái		01	78.000đ			01	78.000đ			01	78.000đ	234.000đ	
	Giày da + Tất	Đôi		01	320.000đ			01	320.000đ			01	320.000đ	960.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>													<b>4.094.000đ</b>		
<b>2</b>	<b>Chính trị viên</b>														
	Quần áo	Đôi		01	400.000đ			01	400.000đ			01	400.000đ	1.200.000đ	Nam
	Sao mũ cứng	Cái		01	7000đ					01	7000đ			14.000đ	
	Sao mũ mềm	Cái		01	7000đ					01	7000đ			14.000đ	
	Mũ cứng	Cái		01	80.000đ					01	80.000đ			160.000đ	
	Mũ mềm	Cái		01	80.000đ					01	80.000đ			160.000đ	
	Thắt lưng	Cái		01	78.000đ					01	78.000đ			156.000đ	
	Giày da + Tất	Đôi		01	320.000đ			01	320.000đ			01	320.000đ	960.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>													<b>2.660.000đ</b>		
<b>3</b>	<b>Phó chỉ huy trưởng</b>														
	Quần áo	Bộ		01	400.000đ	01	400.000đ	01	400.000đ	01	400.000đ	01	400.000đ	2.000.000đ	Nam
	Sao mũ cứng	Cái		01	7000đ			01	7000đ			01	7000đ	210.000đ	



T T	Loại trang phục	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng 5 năm (đồng)	Ghi chú
				SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)		
	Sao mũ mềm	Cái		01	7000đ			01	7000đ			01	7000đ	210.000đ	
	Mũ cứng	Cái		01	80.000đ			01	80.000đ			01	80.000đ	240.000đ	
	Mũ mềm	Cái		01	80.000đ			01	80.000đ			01	80.000đ	240.000đ	
	Thắt lưng	Cái		01	78.000đ			01	78.000đ			01	78.000đ	234.000đ	
	Giày da + Tất	Đôi		01	320.000đ			01	320.000đ			01	320.000đ	960.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>														<b>4.094.000đ</b>	
<b>4</b>	<b>Chính trị viên phó</b>														
	Quần áo	Đôi		01	400.000đ			01	400.000đ			01	400.000đ	1.200.000đ	
	Sao mũ cứng	Cái		01	7000đ					01	7000đ			14.000đ	
	Sao mũ mềm	Cái		01	7000đ					01	7000đ			14.000đ	
	Mũ cứng	Cái		01	80.000đ					01	80.000đ			160.000đ	
	Mũ mềm	Cái		01	80.000đ					01	80.000đ			160.000đ	
	Thắt lưng	Cái		01	78.000đ					01	78.000đ			156.000đ	
	Giày da + Tất	Đôi		01	320.000đ			01	320.000đ			01	320.000đ	960.000đ	
<b>TỔNG CỘNG</b>														<b>2.660.000đ</b>	
<b>II</b>	<b>DQTV năm thứ nhất</b>														
	Quần áo	Bộ		06	400.000đ	06	400.000đ	06	400.000đ	06	400.000đ	06	400.000đ	12.000.000đ	
	Sao mũ cứng	Cái		06	7.000đ			06	7.000đ			06	7.000đ	126.000đ	
	Sao mũ mềm	Cái		06	7.000đ			06	7.000đ			06	7.000đ	126.000đ	
	Mũ cứng	Cái		06	80.000đ			06	80.000đ			06	80.000đ	1.440.000đ	
	Mũ mềm	Cái		06	80.000đ			06	80.000đ			06	80.000đ	1.440.000đ	
	Thắt lưng	Cái		06	78.000đ			06	78.000đ			06	78.000đ	1.404.000đ	
	Giày vải + Tất	Đôi		06	220.000đ	06	220.000đ	06	220.000đ	06	220.000đ	06	220.000đ	6.600.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>														<b>23.136.000đ</b>	
<b>IV</b>	<b>DQTV năm thứ hai trở đi</b>														

T T	Loại trang phục	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng 5 năm (đồng)	Ghi chú
				SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)		
<b>1</b>	<b>DQTV cơ động</b>														
	Quần áo	Bộ		28	400.000đ	28	400.000đ	28	400.000đ	28	400.000đ	28	400.000đ	56.000.000đ	
	Sao mũ cứng	Cái		28	7.000đ			28	7.000đ			28	7.000đ	980.000đ	
	Sao mũ mềm	Cái		28	7.000đ			28	7.000đ			28	7.000đ	980.000đ	
	Mũ cứng	Cái		28	80.000đ			28	80.000đ			28	80.000đ	11.200.000đ	
	Mũ mềm	Cái		28	80.000đ			28	80.000đ			28	80.000đ	11.200.000đ	
	Thắt lưng	Cái		28	78.000đ			28	78.000đ			28	78.000đ	10.920.000đ	
	Giày vải + Tất	Đôi		28	220.000đ	28	220.000đ	28	1.050.000đ	28	220.000đ	28	220.000đ	30.800.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>														<b>122.080.000đ</b>	
<b>2</b>	<b>DQTV tại chỗ</b>														
	Quần áo	Bộ		09	400.000đ			09	400.000đ			09	400.000đ	10.800.000đ	
	Sao mũ cứng	Cái		09	7.000đ					09	7.000đ			126.000đ	
	Sao mũ mềm	Cái		09	7.000đ					09	7.000đ			126.000đ	
	Mũ cứng	Cái		09	80.000đ					09	80.000đ			1.440.000đ	
	Mũ mềm	Cái		09	80.000đ					09	80.000đ			1.140.000đ	
	Thắt lưng	Cái		09	78.000đ			09	78.000đ			09	78.000đ	2.106.000đ	
	Giày vải + Tất	Đôi		09	220.000đ			09	220.000đ			09	220.000đ	5.940.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>														<b>20.538.000đ</b>	
<b>3</b>	<b>DQTV Cối 60mm, trinh sát, công binh, thông tin, phòng hóa, y tế</b>														
	Quần áo	Bộ		18	400.000đ			18	400.000đ				400.000đ	21.600.000đ	
	Sao mũ cứng	Cái		18	7.000đ					18	7.000đ			140.000đ	
	Sao mũ mềm	Cái		18	7.000đ					18	7.000đ			140.000đ	

T T	Loại trang phục	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng 5 năm (đồng)	Ghi chú
				SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)		
	Mũ cứng	Cái		18	80.000đ					18	80.000đ			2.880.000đ	
	Mũ mềm	Cái		18	80.000đ					18	80.000đ			2.880.000đ	
	Thắt lưng	Cái		18	78.000đ			18	78.000đ			18	78.000đ	4.212.000đ	
	Giày vải + Tất	Đôi		18	220.000đ			18	220.000đ			18	220.000đ	11.880.000đ	
	Trang phục dùng chung														
	Vỏ chăn	Cái		10	365.000đ			10	365.000đ			10	365.000đ	10.950.000đ	
	Màn tuyen	Cái		10	155.000đ			10	155.000đ			10	155.000đ	4.650.000đ	
	Chiếu	cais		10	75.000đ			10	75.000đ			10	75.000đ	2.250.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>														<b>57.370.000đ</b>	







**Phụ lục IV: KINH PHÍ BẢO ĐẢM CÔNG CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN, DIỄN TẬP, HỘI THI, HỘI THAO**  
(Kèm theo Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND xã Thượng Lộ)

TT	Loại vật chất	ĐVT	Thời gian	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng 5 năm (đồng)	Ghi chú
				SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)		
<b>I Huấn luyện chiến đấu hàng năm</b>															
<b>01 Năm thứ nhất</b>															
	Chiến sỹ	Trung đội	15 ngày/1 năm	06	120.000đ	06	120.000đ	06	120.000đ	06	120.000đ	06	120.000đ	54.000.000đ	
	Hỗ trợ tiền ăn		15 ngày/1 năm	06	25.000	06	25.000	06	25.000	06	25.000	06	25.000	11.250.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>															
<b>DQTV năm thứ hai trở đi</b>															
	Chiến sỹ	Trung đội	12 ngày/1 năm	22	120.000đ	22	120.000đ	22	120.000đ	22	120.000đ	22	120.000đ	158.400.000 đ	
	Hỗ trợ tiền ăn		12 ngày/1 năm	22	25.000	22	25.000	22	25.000	22	25.000	22	25.000	33.000.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>														<b>191.400.000 đ</b>	
<b>DQTV Tại chỗ</b>															
	Chiến sỹ	Trung đội	07 ngày/1 năm	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	37.800.000đ	

TT	Loại vật chất	ĐVT	Thời gian	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng 5 năm (đồng)	Ghi chú
				SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)		
	Hỗ trợ tiền ăn		07 ngày/1 năm	09	25.000	09	25.000	09	25.000	09	25.000	09	25.000	7.875.000đ	
<b>TỔNG CỘNG:</b>														<b>45.675.000đ</b>	
<b>02</b>	<b>Trực SSCĐ các ngày lễ trong năm</b>														
	Tết nguyên Đán và ngày thành lập ĐCSVN	Trung đội	12 ngày	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	64.800.000đ	
	Ngày giải phóng TT-Huế	Trung đội	02 ngày	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	10.800.000đ	
	Giỗ tổ Hùng Vương	Trung đội	02 ngày	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	10.800.000đ	
	Lễ 30/4; 01/5	Trung đội	04 ngày	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	21.000.000đ	
	Lễ 02/9	Trung đội	02 ngày	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	10.800.000đ	
	Lễ 22/12; Noel	Trung đội	04 ngày	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	21.000.000đ	
	Tết dương lịch	Trung đội	02 ngày	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	09	120.000đ	10.800.000đ	
<b>TỔNG CỘNG;'</b>														<b>150.000.000 đ</b>	



